TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

Bản án số:23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2021
Về việc"Tranh chấp Ly hôn, Nuôi con chung khi ly hôn "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miển, ông Lê Đình Hưng
- *Thư ký phiên toà*: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/7/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2021 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G (có đơn xin vắng mặt)
Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của đương sự. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

+*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị T và anh Bùi Văn H trước khi kết hôn, có qua một thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh G vào năm 2009.

Nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn kéo dài, đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay không muốn tiếp tục giữ mối quan hệ hôn nhân với anh H nữa, nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên anh H không chấp nhận ly hôn mà cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét.

+*Về con chung:*Chị Cao Thị T và anh Bùi Văn H công nhận có với nhau 03 con chung là Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009 học lớp 6, hiện cháu đang ở

với bà ngoại Đậu Thị Kế tại thôn Thành Minh, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Bùi Thị Ngọc TR, sinh 15/4/2011 và Bùi Văn Khánh N, sinh 17/02/2017 đang ở với anh H tại Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Nguyện vọng chị T xin được nuôi cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009 học lớp 6, hiện cháu đang ở ăn học ổn định với bà Đậu Thị Kế tại thôn Thành Minh, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Còn anh H có nguyện vọng nuôi các cháu Bùi Thị Ngọc TR và cháu Bùi Văn Khánh N. Các bên đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+*Về tài sản, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

+*Về án phí:* Chị Cao Thị T trình bày tự nguyện chịu hết toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, anh H chấp nhận.

Chứng cứ các đương sự giao nộp có trong hồ sơ gồm:

01 Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô)

01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

01 Sổ hộ khẩu (phô tô).

03 Giấy khai sinh (bản sao + phô tô)

Tại phiên toà:

-Các đương sự vắng mặt, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

-Ý kiến Phát biểu của Kiểm sát viên:

+Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đều bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

+Về nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương thừa nhận hai người có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã kéo dài, nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không chấp nhận. Tuy nhiên các đương sự thừa nhận có mâu thuẫn kéo dài, đã ly thân không còn sống chung và Tòa án đã hòa giải 02 lần nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

+Về trách nhiệm nuôi con chung: Các đương sự công nhận có 03 con chung là: Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009 học lớp 6, hiện cháu đang ở với bà ngoại Đậu Thị Kế tại thôn Thành Minh, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; các cháu Bùi Thị Ngọc TR, sinh 15/4/2011 và Bùi Văn Khánh N, sinh 17/02/2017 đang ở với anh H tại Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2021 (bút lục 44) các đương sự thỏa thuận giao nguyên đơn chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho bị đơn anh Bùi Văn H nuôi cháu Bùi Thị Ngọc TR và cháu Bùi Văn Khánh N, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên giao cho nguyên đơn chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho bị đơn anh Bùi Văn H nuôi cháu Bùi Thị Ngọc TR và cháu Bùi Văn Khánh N, phù hợp với

nguyện vọng của các cháu H1, TR (bút lục 43), không buộc các đương sự phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

+Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn là anh Bùi Văn H, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn". Do đó Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Do bị đơn vắng mặt lần thứ 2 và nguyên đơn có đơn xin xét xử văng mặt.Vì vậy, cần áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự là có căn cứ.

[3]Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh H và chị T có trải qua thời gian quen biết tìm hiểu và sống chung với nhau, sau đó tự nguyện kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh G và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Theo nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, đến nay mâu thuẫn đã kéo dài và ngày một trầm trọng hơn, hiện đã ly thân không còn sống chung với nhau, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, còn bị đơn anh Bùi Văn H thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, nên anh không chấp nhận ly hôn.

Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên thuyết phục, hòa giải nhiều lần để các đương thỏa thuận trở về đoàn tụ, nhưng chị T một mực yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự công nhận có 03 con chung là: Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009 học lớp 6, hiện cháu đang ở với bà ngoại Đậu Thị Kế tại thôn Thành Minh, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; các cháu Bùi Thị Ngọc TR, sinh 15/4/2011 và Bùi Văn Khánh N,

sinh 17/02/2017 đang ở với anh H.

Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2021 (bút lục 44) các đương sự đã thỏa thuận giao chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho anh Bùi Văn H nuôi các cháu Bùi Thị Ngọc TR và Bùi Văn Khánh N, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần tuyên giao cho nguyên đơn chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho bị đơn anh Bùi Văn H nuôi các cháu Bùi Thị Ngọc TR và cháu Bùi Văn Khánh N, phù hợp với nguyện vọng của các cháu H1, TR (bút lục 43), không buộc các đương sự cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có đơn yêu cầu, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 144, 147, 227, 228, 235, 264 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2.Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung:

-Giao cho chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009. (phù hợp với nguyện vọng của cháu H1)

-Giao cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng các cháu Bùi Thị Ngọc TR sinh 15/4/2011 và Bùi Văn Khánh N, sinh 17/02/2017. (phù hợp với nguyện vọng của cháu TR).

-Anh Bùi Văn H, chị Cao Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

-Anh Bùi Văn H, chị Cao Thị T đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Buộc chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai số 0008365 ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hưng **Phạm Văn Miền** **Nguyễn Văn Thanh**

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hưng **Phạm Văn Miền** **Nguyễn Văn Thanh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đ, ngày 30 tháng 7 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Miền, ông Lê Đình Hưng

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 30/7/2021 tại phòng Nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ. HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" giữa nguyên đơn chị Cao Thị T và bị đơn anh Bùi Văn H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử tH luận và giải quyết những vấn đề của vụ án như sau:

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 144, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

- Kết quả biểu quyết: 03/03

2. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, đã ly thân. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn..

- Kết quả biểu quyết : 03/03

3. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự công nhận có 03 con chung là: Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 14/10/2009 học lớp 6, Bùi Thị Ngọc TR, sinh 15/4/2011 và Bùi Văn Khánh N, sinh 17/02/2017.

Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2021 (bút lục 44) các đương sự đã thỏa thuận giao chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho anh Bùi Văn H nuôi các cháu Bùi Thị Ngọc TR và Bùi Văn Khánh N, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần tuyên giao cho nguyên đơn chị Cao Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H1 và giao cho bị đơn anh Bùi Văn H nuôi các cháu Bùi Thị Ngọc TR và cháu Bùi Văn Khánh N, phù hợp với nguyện vọng của các cháu H1, TR (bút lục 43), không buộc các đương sự cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Kết quả biểu quyết: 03/03

5. Các vấn đề khác :

+Buộc nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đồng theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

+Tuyên quyền thăm nom con, thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

+ Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày. Đã thông qua biên bản và các thành viên HĐXX đã nhất trí cùng ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hưng **Phạm Văn Miền** **Nguyễn Văn Thanh**